

MS: 07D/HĐTD-PN

(Áp dụng cho vay theo hạn mức 36 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:-LAV-.....

Hôm nay, ngày.....tại trụ sở Agribank Chi nhánh/PGD....., chúng tôi gồm:

BÊN CHO VAY: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM (AGRIBANK)

CHI

NHÁNH

- Mã số đăng ký Chi nhánh: 0100686174-..... Điện thoại:.....; Fax:

- Địa chỉ Chi nhánh:

- Người đại diện là: Ông/Bà: Chức vụ:

(Theo Quyết định sốngày /.../... của và Văn bản ủy quyền lại (nếu có) số ngày.../...../.....của Ông/Bà, chức vụ:)

(Sau đây gọi là “Ngân hàng”).

BÊN

VAY:

- Mã số doanh nghiệp số:, đăng ký lần đầu ngày .../...../

đăng ký lần ... ngày .../.../..... do cấp.

- Trụ sở đăng ký tại:

- Người đại diện là: Ông/Bà: Chức vụ:

- Giấy CMND/CCCD số do cấp ngày

(Theo Văn bản ủy quyền số Ngày của, chức vụhoặc theo Biên bản/Nghị quyết của cấp có thẩm quyền của Doanh nghiệp). (nếu có)

- Tài khoản thanh toán VNĐ số :.....tại

- Tài khoản thanh toán ngoại tệ số:..... tại

(Sau đây gọi là “Khách hàng”).

Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng này với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Giải thích từ ngữ và nguyên tắc giải thích hợp đồng

1. Giải thích từ ngữ: Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Bên cho vay (Ngân hàng) là Agribank, Chi nhánh và Phòng giao dịch phụ thuộc. Mọi giao dịch phát sinh từ giao kết của người đại diện theo quy định của Ngân hàng đều làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với Ngân hàng.

b) Hợp đồng: là Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ, phụ lục Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến Hợp đồng được thỏa thuận, giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng;

c) Giấy nhận nợ: là văn bản thỏa thuận cho vay do Khách hàng và Ngân hàng cùng lập, ký trên cơ sở Hợp đồng nhằm xác nhận những giao dịch cụ thể và là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng;

d) Thời hạn cho vay: là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay cho đến hết ngày cuối cùng của từng lần giải ngân được ghi trong Giấy nhận nợ; Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo;

đ) Khoản nợ: là số tiền vay được Ngân hàng giải ngân cho Khách hàng và ghi trong từng Giấy nhận nợ;

e) Hạn mức cho vay: Ngân hàng xác định và thỏa thuận với Khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời hạn nhất định;

g) Hạn mức cấp tín dụng: bao gồm hạn mức cho vay, hạn mức cam kết phát hành dưới hình thức L/C, hạn mức bảo lãnh, hạn mức tín dụng dự phòng, chiết khấu và các hình thức cấp tín dụng khác;

h) Lãi tiền vay: bao gồm lãi trên dư nợ gốc trong hạn, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 6 Hợp đồng này;

i) Ngân hàng chủ động trích tiền: là việc Ngân hàng chủ động trích tiền trên tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và các tài khoản khác của Khách hàng và/hoặc đơn vị phụ thuộc của Khách hàng mở tại Ngân hàng để thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có);

k) Thay đổi bất lợi đáng kể: là bất kỳ sự kiện, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nào mà theo xác định của Ngân hàng có thể ảnh hưởng bất lợi đến: Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc tài sản của Khách hàng; Khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng; Khách hàng bị phân loại vào nhóm nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

l) Văn bản tín dụng: bao gồm và không giới hạn các văn bản sau: Hợp đồng này và các Hợp đồng cụ thể có liên quan đến hợp đồng này (nếu có); Hợp đồng bảo đảm; Phương án sử dụng vốn vay và các tài liệu chứng minh Khách hàng đủ điều kiện vay vốn; Thông báo chuyển nợ quá hạn; Các cam kết đơn phương của khách hàng, bên bảo đảm và các văn bản thỏa thuận khác liên quan và/hoặc vì mục đích của Hợp đồng này;

m) Sự kiện biến động thị trường: là sự kiện, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc sự thay đổi mà theo xác định của Ngân hàng có thể dẫn đến:

(i) Ngân hàng không thể giải ngân khoản vay theo yêu cầu của Khách hàng do không thể giải ngân bằng loại tiền tệ tương ứng với loại tiền tệ của khoản vay hoặc không thể giải ngân khoản vay do việc áp dụng các quy định của luật pháp Việt Nam;

(ii) Mức lãi suất cho vay để giải ngân khoản vay theo tính toán của Ngân hàng vượt quá quy định của luật pháp Việt Nam cho phép;

n) Các từ ngữ khác không được giải thích tại Hợp đồng này mà pháp luật Việt Nam có quy định, được hiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Nguyên tắc giải thích hợp đồng

a) Tiêu đề các Điều trong Hợp đồng này chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc theo dõi Hợp đồng, không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung các Điều trong Hợp đồng;

b) Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản hoặc thỏa thuận nào sẽ bao gồm cả bất kỳ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc gia hạn đối với văn bản hoặc thỏa thuận đó;

c) Dẫn chiếu tới bất kỳ bên nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới cả bên kế thừa hoặc bên nhận chuyển nhượng hoặc bên nhận chuyển giao được phép của bên đó;

Điều 2. Hạn mức cấp tín dụng, đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ và mục đích sử dụng vốn vay

1. Hạn mức cấp tín dụng: Bằng chữ:

Hạn mức cấp tín dụng trên bao gồm: Hạn mức cho vay và mở L/C thanh toán bằng vốn vay (nếu có)....., Hạn mức bảo lãnh (nếu có) và các hạn mức khác (nếu có) . (áp dụng loại nào thì ghi loại đó)

Khách hàng sử dụng hạn mức bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng tại các Hợp đồng, Văn bản tín dụng cụ thể. Tại hợp đồng này hai bên thỏa thuận chi tiết việc cho vay và cho vay thanh toán L/C.

Tổng dư nợ..... (Bằng chữ:.....) đến ngày theo Hợp đồng tín dụng sốngày.... /.... /.....được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng này (nếu có).

2. Đồng tiền cho vay và đồng tiền trả nợ:

3. Mục đích sử dụng vốn vay:

Điều 3. Phương thức cho vay, Thời gian duy trì hạn mức, Thời hạn cho vay

1. Phương thức cho vay: Theo hạn mức.

2. Thời gian duy trì hạn mức: tối đa.....tháng, kể từ ngày /... /....đến

3. Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi: theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Thời điểm cuối cùng của thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ thỏa thuận trên từng Giấy nhận nợ có thể vượt quá thời điểm cuối cùng của thời gian duy trì hạn mức quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Khách hàng chỉ được rút vốn vay, phát hành L/C, phát hành bảo lãnh trong thời gian duy trì hạn mức quy định tại khoản 2 Điều này và Hạn mức cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng này. Hết thời gian duy trì hạn mức theo Hợp đồng này, tùy vào nhu cầu, khả năng của mỗi bên, hai bên thỏa thuận việc cấp hạn mức mới cho kỳ tiếp theo.

Trường hợp thời gian duy trì hạn mức đã hết, Khách hàng không được cấp lại hạn mức hoặc chưa được cấp lại hạn mức hoặc được cấp hạn mức tín dụng thấp hơn, Ngân hàng có thể xem xét giải ngân cho vay để thanh toán L/C đến hạn thanh toán được bảo đảm nguồn vốn thanh toán bằng vốn vay. Khách hàng nhận nợ và thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Hợp đồng này.

5. Đánh giá, xác định hạn mức

a) Một năm ít nhất một lần, Ngân hàng đánh giá, xác định hạn mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì hạn mức đã thỏa thuận tại Hợp đồng này. Trường hợp Khách hàng đáp ứng tất cả các nội dung sau đây theo quy định của Ngân hàng, Khách hàng được giữ nguyên hạn mức cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều 1 và thời gian duy trì hạn mức quy định tại khoản 2 Điều này.

(i) Khách hàng xếp hạng (AA trở lên hoặc từ A1 đến A8) theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng tại thời điểm ngày cuối quý gần nhất tính đến thời điểm rà soát, đánh giá hạn mức;

(ii) Thực hiện đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận tại HĐTD.

(iii) Nhu cầu vốn vay tại Ngân hàng không giảm so với thời điểm giao kết Hợp đồng này (nhu cầu vốn vay của khách hàng tại Ngân hàng được tính toán trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh của năm tiếp theo, vốn chủ sở hữu, nguồn vốn vay tại các TCTD, nguồn vốn khác).

b) Trường hợp Ngân hàng đánh giá, xác định hạn mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì hạn mức theo quy định tại điểm a khoản này mà Khách hàng đáp ứng nội dung quy định tại tiết (i), (ii) và không đáp ứng nội dung quy định tại tiết (iii) điểm a khoản này, thì Ngân hàng có thể xem xét tiếp tục duy trì hạn mức thêm tối đa 12 tháng và điều chỉnh giảm mức dư nợ cho vay tối đa tương ứng với số giảm của nhu cầu vốn của Khách hàng.

c) Trường hợp Ngân hàng đánh giá, xác định hạn mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì hạn mức mà Khách hàng không đáp ứng được tất cả các nội dung quy định tại tiết (i), (ii), (iii) điểm a khoản này hoặc không đáp ứng một trong các nội dung quy định tại tiết (i), (ii) điểm a khoản thì chấm dứt thời hạn duy trì hạn mức theo Hợp đồng này kể từ ngày Ngân hàng thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt thời gian duy trì hạn mức.

Điều 4. Lãi suất cho vay và phí liên quan tới khoản vay

1. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc trong hạn: theo từng Giấy nhận nợ.

b) Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn:

c) Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả:

2. Phí liên quan đến khoản vay:

Điều 5. Giải ngân vốn cho vay

1. Điều kiện giải ngân vốn cho vay: Ngân hàng đồng ý giải ngân vốn cho vay sau khi Khách hàng đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Số tiền đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn vay không vượt quá hạn mức cho vay quy định tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng này và trong thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 3 Hợp đồng này;

b) Cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ vay vốn, tài liệu, văn bản liên quan đến mục đích sử dụng vốn vay với số lượng, nội dung và hình thức đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng;

c) Hoàn thành thủ tục về bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng; Chấp hành đầy đủ thỏa thuận về tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của Ngân hàng.

d) Không có bất kỳ Sự kiện vi phạm, Sự kiện biến động thị trường nào theo quy định tại Hợp đồng này;

đ) Các điều kiện trước khi giải ngân (nếu có):

e) Các nội dung Khách hàng phải bổ sung trong quá trình vay vốn:.....(nếu có)

f) Các điều kiện khác (nếu có)

2. Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay:

Mỗi lần đề nghị giải ngân vốn cho vay, Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ đề nghị giải ngân có nội dung, hình thức, số lượng đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

- a) Bản gốc Giấy nhận nợ;
- b) Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay;
- c) Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng.

3. Giải ngân vốn cho vay để thanh toán theo thư tín dụng (L/C)

Trường hợp Ngân hàng giải ngân vốn cho vay để thanh toán L/C có nguồn thanh toán từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng này, Khách hàng đồng ý nhận nợ vay số tiền thực tế Ngân hàng đã giải ngân để thanh toán theo L/C với thời hạn, lãi suất và các nội dung khác theo thông báo của Ngân hàng và văn bản khác có liên quan trong văn bản tín dụng.

4. Nhận nợ bắt buộc đối với bảo lãnh, cam kết phát hành dưới hình thức L/C

a) Trường hợp Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán L/C thay cho Khách hàng thì Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền mà Ngân hàng đã trả thay với thời hạn, lãi suất và các nội dung khác theo thông báo của Ngân hàng. Khách hàng phải thực hiện các thủ tục để nhận nợ bắt buộc theo yêu cầu của Ngân hàng.

b) Hồ sơ nhận nợ bắt buộc gồm:

(i) Bản gốc Giấy nhận nợ;

(ii) Các hồ sơ, tài liệu khác chứng minh việc Khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ được bảo lãnh (đối với bảo lãnh)

(iii) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh việc Khách hàng phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán L/C theo cam kết phát hành: yêu cầu thanh toán của Ngân hàng thụ

hưởng L/C, Hồi phiếu của ngân hàng thụ hưởng L/C, điện chấp nhận thanh toán của Ngân hàng (đối với nhận nợ thanh toán L/C).

c) Trường hợp Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán L/C theo cam kết phát hành mà không nhận được các tài liệu, hồ sơ quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Khách hàng chấp thuận việc Ngân hàng được sử dụng văn bản Thông báo nhận nợ bắt buộc để ghi nợ cho Khách hàng. Thông báo này có giá trị như Giấy nhận nợ.

5. Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay: Ngân hàng giải ngân vốn cho vay cho Khách hàng bằng tiền mặt và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Khách hàng chỉ định phù hợp với quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 6. Trả nợ gốc, lãi tiền vay, trả nợ trước hạn, phí liên quan tới khoản vay, quản lý nguồn thu, hàng tồn kho và thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay

1. Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày đến hạn trả nợ ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ không phải là ngày làm việc thì được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

2. Trả lãi tiền vay

a) Trả lãi tiền vay trên dư nợ gốc trong hạn: Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày đến hạn trả nợ lãi đã thỏa thuận tại Giấy nhận nợ. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ không phải là ngày làm việc thì được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

(i) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn bằng $(=)$ số dư nợ gốc trong hạn nhân (x) số ngày dư nợ trong hạn nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn chia $(:)$ cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

(ii) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết Khoản nợ hoặc ngày đến hạn tùy vào ngày nào đến trước và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi;

b) Trả lãi tiền vay trên dư nợ gốc bị quá hạn: Khi đến hạn thanh toán mà Khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn theo lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này.

(i) Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn bằng $(=)$ dư nợ gốc bị quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn chia $(:)$ cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày;

(ii) Dư nợ gốc bị quá hạn bao gồm: dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này và không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời

hạn trả nợ; Số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Hợp đồng này.

c) Trả lãi chậm trả: Khi đến hạn trả lãi mà Khách hàng không trả đúng hạn thì phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng này;

Tiền lãi chậm trả bằng $(=)$ (số tiền lãi trong hạn phải trả nhưng chưa trả nhân (x) lãi suất chậm trả $(\dots\%/năm)$ nhân (x) số ngày chậm trả) chia $(:)$ cho 365 ngày.

d) Trường hợp Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc.

3. Trả nợ trước hạn

a) Khách hàng chỉ được trả một phần hoặc toàn bộ khoản nợ trước hạn nếu được Ngân hàng đồng ý và phải trả phí trả nợ trước hạn;

b) Khách hàng phải trả nợ trước hạn và không phải trả phí trả nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Hợp đồng này;

c) Trường hợp Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của các Khoản nợ theo Hợp đồng này thì lãi tiền vay của (các) Khoản nợ mà Khách hàng trả nợ trước hạn cũng đến hạn cùng ngày với ngày Khách hàng trả nợ gốc trước hạn; Khách hàng phải trả lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả nợ gốc trước hạn.

4. Trả các loại phí:

a) Trường hợp có phát sinh các loại phí có liên quan đến (các) Khoản nợ, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng này hoặc tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ có liên quan đến (các) khoản nợ làm phát sinh các loại phí, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

b) Trường hợp Khách hàng trả nợ trước hạn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì phải chịu phí trả nợ trước hạn, mức phí Khách hàng phải trả được xác định theo cách tính sau:

Số tiền phí trả nợ trước hạn bằng $(=)$ số tiền trả nợ trước hạn nhân (x) tỷ lệ phí

c) Khách hàng có nghĩa vụ trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực /xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc cho vay theo Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các

khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã tạm ứng trả thay Khách hàng.

5. Đồng tiền thanh toán

a) Đồng tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay là đồng tiền Khách hàng đã nhận nợ tại Ngân hàng. Đồng tiền trả các loại phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp đồng này là đồng Việt Nam;

b) Trường hợp đồng tiền cho vay là ngoại tệ mà Khách hàng có thể trả nợ gốc và lãi tiền vay bằng đồng tiền khác thì việc trả nợ đó phải phù hợp quy định của Ngân hàng tại thời điểm Khách hàng trả nợ gốc và lãi tiền vay và quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

c) Trường hợp Ngân hàng chủ động trích tiền để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này mà đồng tiền trong tài khoản được Ngân hàng chủ động trích tiền khác với đồng tiền Khách hàng phải trả theo quy định tại Hợp đồng này thì Ngân hàng được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi và trừ phí quy đổi tiền tệ theo quy định của Ngân hàng.

6. Quản lý nguồn trả nợ: doanh thu từ hoạt động kinh doanh và nguồn thu khác phải được chuyển vào tài khoản thanh toán của Khách hàng mở tại Ngân hàng để Ngân hàng quản lý nguồn tiền trả nợ, tối thiểu

7. Quản lý hàng tồn kho:

8. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay

a) Khoản nợ đến hạn trước thu trước, khoản nợ đến hạn sau thu sau. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Ngân hàng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Ngân hàng thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.

b) Trường hợp có thỏa thuận khác thì thực hiện theo thỏa thuận đó.

Điều 7. Cơ cấu nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, theo đề nghị của Khách hàng tại phương án cơ cấu nợ, Ngân hàng đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng và quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Chuyển nợ quá hạn: Đến kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng này

(không phụ thuộc vào việc Khách hàng có nhận được Thông báo chuyển nợ quá hạn hay không), nếu Khách hàng không trả nợ và không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ đúng hạn. Khách hàng phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này đối với dư nợ gốc bị quá hạn đó.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

1. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm tại (các) Hợp đồng bảo đảm cụ thể như sau:

(i) Thẻ chấp tài sản là theo hợp đồng thẻ chấp số.....ký ngày giữa Ngân hàng và Bên thẻ chấp là

(ii) Cầm cố tài sản là theo hợp đồng cầm cố số.....ký ngày giữa Ngân hàng và Bên cầm cố là

(iii) Bảo lãnh của theo hợp đồng bảo lãnh số ký ngày giữa Ngân hàng và Bên bảo lãnh là

Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng hoặc Bên bảo đảm.

2. Nghĩa vụ của Khách hàng còn được bảo đảm theo (các) Hợp đồng bảo đảm khác được giao kết trước hoặc sau thời điểm giao kết Hợp đồng này.

Điều 9. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay

1. Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng thông tin, tài liệu

a) Bộ hồ sơ vay vốn theo quy định của Ngân hàng;

b) Báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Ngân hàng;

c) Hàng năm, vào thời điểm theo yêu cầu của Ngân hàng, Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng các hồ sơ, tài liệu sau: Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với trường hợp khách hàng phải lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; báo cáo tình hình tài chính của khách hàng theo hướng dẫn của Ngân hàng; kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo đã được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của Khách hàng phê duyệt; phương án sử dụng vốn, nhu cầu vốn của Khách hàng.

d) Định kỳ hoặc khi được yêu cầu: Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Khách hàng, thông tin, tài liệu chứng minh năng lực tài chính của bên bảo lãnh theo các Hợp đồng bảo lãnh;

đ) Thông báo bằng văn bản và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng khi Khách hàng phát sinh một trong các trường hợp sau:

(i) Chuẩn bị thực hiện ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản, chỉ định người quản lý tài sản, chia/tách/sáp nhập/hợp nhất/cổ phần hóa/chuyển đổi hình thức pháp lý khác hoặc sự kiện có tính chất tương tự;

(ii) Đổi tên; sửa đổi, bổ sung điều lệ; thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Khách hàng. Trường hợp Khách hàng không thông báo thay đổi địa chỉ với Ngân hàng thì địa chỉ nhận văn bản của khách hàng khi Ngân hàng hoặc các cơ quan có thẩm quyền tổng đạt văn bản là địa chỉ mà Khách hàng đã cung cấp cho Ngân hàng trong Hợp đồng này

(iii) Thay đổi về tài sản bảo đảm và hình thức pháp lý của bên bảo đảm hoặc bên bảo lãnh có liên quan (nếu có);

(iv) Xảy ra bất kỳ Thay đổi bất lợi đáng kể, Sự kiện vi phạm nào và các biện pháp mà Khách hàng đang thực hiện để khắc phục các sự kiện này;

2. Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng thông tin, tài liệu

a) Thông tin về lãi suất cho vay, nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh;

b) Lý do từ chối yêu cầu rút vốn khi Khách hàng không còn đáp ứng đủ điều kiện vay vốn hoặc theo yêu cầu;

c) Thông báo chuyển nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm;

3. Cung cấp thông tin, tài liệu cho Bên thứ ba:

Khách hàng đồng ý để Ngân hàng được cung cấp mọi thông tin, tài liệu liên quan đến Khách hàng, bên bảo đảm theo các Văn bản tín dụng mà Ngân hàng đang lưu giữ cho công ty con, chi nhánh/đơn vị trong cùng hệ thống của Ngân hàng, luật sư, nhà tư vấn, nhà đại diện, đại lý, nhà cung cấp, tổ chức kiểm toán cho Ngân hàng, bên nhận chuyển nhượng (hoặc có khả năng sẽ nhận chuyển nhượng) khoản vay theo các Văn bản tín dụng, tổ chức và/hoặc cá nhân được Ngân hàng ủy thác xử lý nợ, Trung tâm thông tin tín dụng (CIC), các Công ty thông tin tín dụng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức cung cấp thông tin: Nhận trực tiếp, qua bưu điện, fax, tin nhắn qua Zalo, SMS qua điện thoại, email

5. Hiệu lực của thông tin, tài liệu: Mọi thông tin, tài liệu sẽ có hiệu lực vào ngày làm việc tiếp theo của ngày nhận được thông tin, tài liệu.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

1. Quyền của Khách hàng

- a) Được nhận đầy đủ tiền vay theo các điều kiện quy định tại Hợp đồng này;
- b) Từ chối các yêu cầu của Ngân hàng không đúng với thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- c) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Hợp đồng này theo quy định của pháp luật;
- d) Yêu cầu Ngân hàng thông báo lý do không tiếp tục cho vay;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Khách hàng

- a) Cung cấp cho Ngân hàng thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đúng thời hạn đã thỏa thuận với Ngân hàng;
- c) Chấp hành các yêu cầu kiểm tra, giám sát của Ngân hàng về sử dụng vốn vay và trả nợ, tình hình tài sản bảo đảm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Khách hàng;
- d) Bàn giao tài sản và phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật;
- đ) Có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc, lãi, các nghĩa vụ tài chính khác với Ngân hàng và bổ sung các biện pháp bảo đảm nếu sau khi áp dụng biện pháp xử lý nợ mà Khách hàng vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ;
- e) Không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng để tặng cho, bảo đảm cho các nghĩa vụ khác của Khách hàng và/hoặc bên thứ 3 tại các tổ chức tín dụng khác (trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý bằng văn bản);
- g) Mua và duy trì bảo hiểm đối với tài sản, tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
- h) Thực hiện đầy đủ các thỏa thuận, cam kết nêu trong Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các thỏa thuận, cam kết khác có liên quan đến Hợp đồng này.
- i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Quyền của Ngân hàng

a) Yêu cầu Khách hàng cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu và các thông tin khác trước, trong và sau khi cho vay;

b) Từ chối các yêu cầu của Khách hàng không đúng quy định của pháp luật, quy định cho vay của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng này;

c) Từ chối tiếp tục giải ngân vốn cho vay, từng lần cho vay cụ thể nếu Khách hàng không đáp ứng được yêu cầu, điều kiện vay vốn, điều kiện rút vốn vay hoặc Ngân hàng bị hạn chế về nguồn vốn do Sự kiện biến động thị trường;

d) Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, trả nợ của Khách hàng;

đ) Tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

e) Khi đến hạn mà Khách hàng không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu bất cứ Bên bảo lãnh, Bên bảo đảm nào thực hiện nghĩa vụ theo các Hợp đồng bảo đảm đã giao kết với Ngân hàng, có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý nợ, thu giữ tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm, quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ và/hoặc khởi kiện, tố cáo theo quy định của pháp luật;

g) Được quyền bán một phần hoặc toàn bộ khoản vay của Khách hàng phát sinh theo Hợp đồng này và các văn bản có liên quan; Miễn, giảm lãi tiền vay, phí, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ, xoá nợ theo quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng và thông báo cho Khách hàng;

h) Vào ngày đến hạn thanh toán, Ngân hàng được chủ động bù trừ nghĩa vụ thông qua việc trích tiền từ bất kỳ tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi của khách hàng ký kết với Ngân hàng, bất kỳ giấy tờ có giá nào do Ngân hàng phát hành thuộc sở hữu của Khách hàng, bất kỳ khoản tiền, quyền và quyền lợi đối với bất kỳ tài sản nào khác của Khách hàng đang được Ngân hàng lưu giữ, quản lý, kiểm soát. Sau khi thực hiện xong việc bù trừ nghĩa vụ của Khách hàng, Ngân hàng thông báo cho Khách hàng biết;

i) Yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục Sự kiện vi phạm, Thay đổi bất lợi đáng kể;

k) Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Ngân hàng

- a) Cung cấp thông tin, tài liệu cho khách hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- b) Thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- c) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Sự kiện vi phạm, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, xử lý nợ

1. Sự kiện vi phạm: Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là sự kiện vi phạm

- a) Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo các Văn bản tín dụng;
- b) Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích;
- c) Khách hàng xảy ra bất kỳ một Thay đổi bất lợi đáng kể nào;
- d) Tài sản đảm bảo phát sinh tranh chấp, bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên, tịch thu, tạm giữ theo quy định của pháp luật hoặc xảy ra các sự kiện pháp lý khác đe dọa làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm tại Hợp đồng này; Giá trị tài sản bảo đảm bị giảm vì bất kỳ lý do nào và không còn đủ giá trị để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả nợ vay mà Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm không bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Ngân hàng quy định tại các Văn bản tín dụng;
- e) Bên bảo lãnh, Bên bảo đảm bị phá sản, giải thể hoặc theo ý kiến của Ngân hàng không còn khả năng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ mà Khách hàng không có Bên bảo lãnh hoặc biện pháp bảo đảm khác thay thế;
- f) Khách hàng không mua bảo hiểm theo yêu cầu của Ngân hàng;
- g) Ngân hàng có cơ sở xác định bất kỳ thông tin, cam kết, cam đoan nào do Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh đưa ra trong các Văn bản tín dụng là không chính xác, không trung thực và không hợp lý;
- h) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ bất kỳ nghĩa vụ, cam kết đã thỏa thuận với Ngân hàng trong các Văn bản tín dụng;
- i) Khách hàng được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục phá sản, ngừng hoạt động hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể theo quy định của pháp luật;
- k) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh bị Tòa án hoặc Trọng tài có thẩm quyền ra phán quyết mà Ngân hàng có cơ sở xác định phán quyết này có khả năng dẫn đến Thay đổi bất lợi đáng kể;

l) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào quy định tại các Văn bản tín dụng hoặc thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên;

m) Bất kỳ hành vi nào dẫn tới tài sản hình thành từ vốn vay hoặc tiền đã trả nợ Ngân hàng bị phong tỏa, tịch thu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

n) Khách hàng bị phân loại vào nhóm nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc các trường hợp khác theo đánh giá của Ngân hàng có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách hàng;

o) Khách hàng không tuân thủ cam kết quản lý nguồn trả nợ theo quy định tại Khoản 6 Điều 6 Hợp đồng này *(nếu có thỏa thuận)*.

2. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn

a) Khi xảy ra một, một số hoặc tất cả Sự kiện vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này Ngân hàng được quyền xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn một phần hoặc toàn bộ Khoản vay và thông báo cho khách hàng bằng văn bản.

b) Khách hàng phải trả số nợ gốc bị thu hồi trước hạn và tiền lãi, phí theo thông báo bằng văn bản của Ngân hàng tại điểm a khoản này. Trường hợp Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với nợ gốc bị quá hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này.

3. Xử lý nợ vay

Khi xảy ra bất kỳ Sự kiện vi phạm nào quy định tại Hợp đồng này, Ngân hàng được chủ động áp dụng một, một số hoặc tất cả biện pháp dưới đây để xử lý nợ vay:

a) Chủ động trích tiền hoặc yêu cầu Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay và tất cả các nghĩa vụ khác phát sinh theo các Văn bản tín dụng;

b) Yêu cầu Khách hàng bổ sung tài sản bảo đảm để bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh theo các Văn bản tín dụng;

c) Yêu cầu Bên bảo lãnh, Bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào theo Hợp đồng bảo đảm, tài sản hình thành từ vốn vay có liên quan theo Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

đ) Khởi kiện hoặc đề nghị Tòa án mở thủ tục phá sản đối với Khách hàng theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các biện pháp thu hồi nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Khách hàng phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh khi Ngân hàng áp dụng các biện pháp xử lý nợ vay để thu hồi nợ.

Điều 13. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm

a) Ngân hàng và Khách hàng đồng ý trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bất kỳ bên nào có hành vi vi phạm Hợp đồng này thì phải chịu khoản tiền phạt bằng%/số tiền vi phạm;

b) Việc phạt vi phạm quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng hạn và phải trả lãi trên nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả quy định tại Hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại

Bất kỳ bên nào (Ngân hàng và Khách hàng) có hành vi vi phạm Hợp đồng này gây thiệt hại cho bên kia thì ngoài việc chịu phạt vi phạm theo khoản 1 Điều này còn phải bồi thường toàn bộ các chi phí và thiệt hại phát sinh theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) hoặc Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cam kết của các Bên

1. Cam kết của Khách hàng

a) Trong tất cả các nghĩa vụ của khách hàng thì nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của Khách hàng theo các Văn bản tín dụng có thứ tự ưu tiên trả nợ thứ nhất, trừ các nghĩa vụ bắt buộc ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật;

b) Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Khách hàng;

c) Không có bất kỳ thủ tục nội bộ hoặc thủ tục pháp lý nào liên quan đến việc tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản.

d) Đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ các thông tin về: thẩm quyền, lãi suất cho vay; lãi suất áp dụng đối với nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này;

đ) Tỷ lệ vốn đối ứng tham gia phương án sử dụng vốn tối thiểu là% tổng nhu cầu vốn;

e) Các cam kết khác:

2. Cam kết của Ngân hàng: Đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ để được phép ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

Điều 16. Các thỏa thuận khác

1. Chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ, chuyển giao nghĩa vụ

a) Ngân hàng được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh theo các Văn bản tín dụng cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng, Ngân hàng có nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng biết;

b) Khách hàng không được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh theo các Văn bản tín dụng, trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý trước bằng văn bản. Mọi trường hợp chuyển giao, chuyển nhượng khi chưa có chấp thuận của Ngân hàng đều là trái luật và không có giá trị pháp lý.

2. Không từ bỏ quyền: Việc Ngân hàng không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này không được coi là từ bỏ các quyền đó.

3. Bằng chứng về nghĩa vụ nợ: Ngân hàng duy trì hệ thống sổ sách và/hoặc máy tính để hạch toán Khoản nợ của Khách hàng tại từng thời điểm phù hợp với quy định tại Hợp đồng này. Khách hàng chấp nhận nội dung của các bút toán trong sổ sách, chương trình hạch toán của Ngân hàng thể hiện nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng, trừ trường hợp Khách hàng chứng minh được các bút toán đó bị sai.

4. Khôi phục nghĩa vụ nợ: Trường hợp các khoản nợ gốc, lãi, phí (nếu có) của Khách hàng được thanh toán bằng các khoản tiền có nguồn gốc do vi phạm pháp luật mà có, hoặc là vật chứng của vụ án hình sự hoặc do nguyên nhân khác dẫn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu phong tỏa, thu hồi (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đã tất toán, tài sản bảo đảm đã giải chấp) thì Khách hàng chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Ngân hàng toàn bộ số tiền đó. Hợp đồng tín dụng đã ký và hồ sơ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp là bằng chứng pháp lý để Ngân hàng tiếp tục ghi nợ cho Khách hàng.

5. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng: Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và phải được đại diện hợp pháp của các bên ký, đóng dấu.

6. Hiệu lực từng phần: Từng điều khoản của Hợp đồng này có hiệu lực riêng biệt và độc lập nhau. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật, thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả

Điều 17. Hiệu lực Hợp đồng

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngàycho đến sau khi hết thời gian duy trì hạn mức tín dụng và Khách hàng đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ theo Hợp đồng này hoặc cho đến khi chấm dứt thời gian duy trì hạn mức theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Hợp đồng này và Khách hàng đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

3. Các bên thống nhất Hợp đồng này được khôi phục lại thời hạn hiệu lực mà không gián đoạn trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 16 Hợp đồng này.

4. Hợp đồng này được lập thành [.....] bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Ngân hàng giữ [.....] bản và Khách hàng giữ [.....] bản.

Hai bên đã đọc kỹ, hiểu rõ đầy đủ các điều khoản, điều kiện và hoàn toàn tự nguyện đồng ý tham gia ký kết, thực hiện Hợp đồng này và Văn bản tín dụng có liên quan

Đề ghi nhận các thỏa thuận trong Hợp đồng này, đại diện hợp pháp của Khách hàng và Ngân hàng cùng ký Hợp đồng này làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG
(Ký tên, đóng dấu)